TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M, TỈNH SƠN LA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31 /2025/HS-ST
Ngày 19 - 02 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SƠN LA.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hoà*;*

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quàng Văn Mầng và bà Nguyễn Thị Hương.

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Trà My, Thư ký Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lan Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Sơn La; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2025/TLST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2025/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo:

Tòng Văn H, sinh 31/12/1974; tại: huyện M, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: bản L, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ học vấn: lớp 02/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Tòng Văn H, đã chết và bà Lò Thị D; có vợ Lò Thị K, sinh 1975 và 02 con, con lớn nhất sinh 1997, con nhỏ nhất sinh 1999; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: chưa có án tích hoặc xử lý, xử phạt vi phạm hành chính khác; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên toà.

- *Nguyên đơn dân sự*: Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên M, địa chỉ: xã N, huyện M, tỉnh Sơn La; Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn dân sự: ông Bùi Lê T, nơi cư trú: Tiểu khu 3, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Cộng đồng bản L, người đại diện ông Lò Văn H, Trưởng bản, nơi cư trú: bản L, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 01/4/2024, Tòng Văn H mang theo 01 cái cào, 02 con dao và 01 bật lửa ga, đi dọn cỏ nương của gia đình tại khu vực Đông

Lỏng (theo tiếng địa phương). Đến nơi H dùng dao phát cỏ, thấy cỏ khô nhiều H dùng cào sắt cào cỏ thành luống, làm đường băng cản lửa rộng 01 mét, dài 14,5 mét, đến khoảng hơn 9 giờ H lấy bật lửa ga ra châm lửa đốt luống cỏ; khi lửa cháy to, gió thổi mạnh, không có biện pháp phòng, chữa cháy kịp thời nên lửa đã cháy lan vào rừng gây cháy rừng diện rộng; khi rừng bị cháy H đã báo với ban quản lý bản và tổ an ninh bản để chữa cháy rừng.

Ngày 02/4/2024 Hạt kiểm lâm khu bảo tồn thiên nhiên M lập biên bản sự việc đối với Tòng Văn H; ngày 09/4/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra (CSĐT) Công an huyện, Hạt kiểm lâm khu bảo tồn thiên nhiên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, chính quyền xã N, ban quản lý bản L tiến hành khám nghiệm hiện trường cháy tại khu rừng thuộc tiểu khu 76, khoảnh 1B lô 5b, 6b. Với phương pháp sử dụng máy GPS định vị xác định vị trí tọa độ, xác định diện tích bị cháy có tổng diện tích là 3,32 ha thuộc loại đất, rừng đặc dụng (2,5 ha trạng thái rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh và nửa dụng lá nghèo kiệt có trữ lượng 50<M<100m; 0,75 ha trạng thái đất rừng có cây nông nghiệp và 0,07 ha đất sản xuất không có cây rừng), Nhà nước giao cho Ban quản lý Khu Bảo tồn thiên nhiên M quản lý theo quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 309048; với phương pháp lấy ô tiêu chuẩn điển hình 100 m^2 xác định khối lượng lâm sản bị thiệt hại, cụ thể: số cây nhóm gỗ thông thường đường kính 10 cm đến 45 cm bị cháy là 10 cây, tương ứng tổng khối lượng 2,141 m^3 (2,5 ha = 208 cây tương ứng tổng khối lượng 44,6 m^3); số cây nhóm gỗ thông thường đường kính dưới 10cm bị chết cháy là 227 cây (2,5 ha = 4.729 cây). Vật chứng thu giữ gồm: 01 con dao quắm; 01 con dao chặt; 01 chiếc cào; 01bật lửa ga.

Ngày 11/4/2024, Hạt kiểm lâm khu bảo tồn thiên nhiên M Quyết định trưng cầu giám định về rừng bị cháy. Tại kết luận giám định số 09-2024/KL/GĐCN ngày 17/5/2024 của Chi cục kiểm lâm tỉnh Sơn La, kết luận: Diện tích rừng bị cháy ngày 01/4/2024 thuộc bản L, xã N, huyện M là 3,32 ha (2,5 ha trạng thái rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh và nưa dụng lá nghèo kiệt có trữ lượng 50<M<100m; 0,75 ha trạng thái đất rừng có cây nông nghiệp và 0,07 ha đất sản xuất không có cây rừng); vị trí là rừng đặc dụng theo quy hoạch 03 loại rừng giai đoạn 2017- 2025 và định hướng đến năm 2030 của tỉnh Sơn La thuộc Tiểu khu 76; khoảnh 1B, gồm lô: 5b, 6b.

Ngày 03/6/2024, Hạt kiểm lâm khu bảo tồn thiên nhiên M trưng cầu định giá tài sản để xác định thiệt hại về tài sản do H gây ra. Tại kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐG ngày 05/7/2024, Hội đồng định giá tài sản huyện M, kết luận: mức độ thiệt hại diện tích bị cháy là 100%; giá rừng gỗ tự nhiên núi đất lá rộng thường xanh và nửa dụng lá nghèo kiệt là 70.000.000VNĐ. Tổng giá trị tài sản bị cháy của 2,5 ha là 175.000.000VNĐ (Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng). Riêng 0,75 ha trạng thái đất rừng có cây nông nghiệp và 0,07 ha đất sản xuất không có cây rừng, nên không có giá trị định giá.

Ngày 10/02/2025 Tòng Văn H đã đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện M nộp số tiền 5.000.000VNĐ để bồi thường khắc phục hậu quả.

Bản cáo trạng số: 04/CT-VKS-ML ngày 06/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố bị cáo Tòng Văn H về tội "Vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy" theo điểm d khoản 1 Điều 313 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã nêu đó là do nhận thức hạn chế nên đã vi phạm pháp luật, bị cáo xin hưởng sự khoan hồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M luận tội và tranh luận: đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Tòng Văn H phạm tội "Vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy", áp dụng điểm d khoản 1 Điều 313; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt Tòng Văn H từ 24 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 48 đến 60. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu và tiêu hủy 01 cái cào, 02 con dao và 01 bật lửa ga; Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 175.000.000VNĐ nộp vào ngân sách Nhà nước, chấp nhận bị cáo đã bòi thường 5.000.000VNĐ; Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Bị cáo tự bào chữa, tranh luận: nhất trí với cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện M; xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, xin được hưởng án treo.

Đại diện nguyên đơn dân sự tranh luận: nhất trí với đề nghị của Viện kiểm sát; đề nghị bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Nhà nước với số tiền là 175.000.000VNĐ, không yêu cầu tính lãi chậm trả.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và không có yêu cầu đề nghị gì.

Đại diện Viện kiểm sát, bị cáo, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối đáp tranh luận đều giữ nguyên ý kiến tranh luận; bị cáo xin Hội đồng xét xử khoan hồng giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người khác không có ý kiến, khiếu nại, tố cáo về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Đại diện Cộng đồng bản L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử thấy việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án nên quyết định xét xử; căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Về chứng cứ xác định hành vi phạm tội: Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với nội dung kết luận điều tra, cáo trạng, biên bản xác minh, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản xác định thiệt hại, kết luận định giá, chứng cứ, tài liệu đã được thu thập và phản ánh trong hồ sơ của vụ án, được thẩm tra, xác minh tại phiên toà, xác định: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 01/4/2024, Tòng Văn H mang theo 01 cái cào, 02 con dao và 01 bật lửa ga, đi dọn cỏ nương của gia đình, đến nơi H dùng dao phát cỏ khô rồi dùng cào sắt cào cỏ thành luống, làm đường băng cản lửa rộng 01 mét, dài 14,5 mét, đến khoảng hơn 9 giờ H lấy bật lửa ga ra châm lửa đốt luống cỏ; khi lửa cháy to, gió thổi mạnh, không có biện pháp phòng, chữa cháy kịp thời nên lửa đã cháy lan vào rừng gây cháy rừng diện rộng. Tại kết luận giám định số 09-2024/KL/GĐCN ngày 17/5/2024 của Chi cục kiểm lâm tỉnh Sơn La, kết luận: Diện tích rừng bị cháy ngày 01/4/2024 thuộc bản L, xã N, huyện M là 3,32 ha ; vị trí là rừng đặc dụng theo quy hoạch 03 loại rừng giai đoạn 2017- 2025 và định hướng đến năm 2030 của tỉnh Sơn La thuộc Tiểu khu 76; khoảnh 1B, gồm lô: 5b, 6b đã giao cho Ban quản lý Khu Bảo tồn thiên nhiên M quản lý theo quyết định số 2749/QĐ-UBND ngày 12/11/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS 309048; số cây nhóm gỗ thông thường đường kính 10 cm đến 45 cm bị cháy là 208 cây; số cây nhóm gỗ thông thường đường kính dưới 10cm bị chết cháy là 4.729 cây. Tại kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐG ngày 05/7/2024, Hội đồng định giá tài sản huyện M, kết luận: mức độ thiệt hại diện tích bị cháy là 100%; giá trị tài sản bị cháy của 2,5 ha là 175.000.000VNĐ; riêng 0,75 ha trạng thái đất rừng có cây nông nghiệp và 0,07 ha đất sản xuất không có cây rừng, nên không có giá trị. Tổng giá trị thiệt hại là 175.000.000VNĐ. Như vây, Tòng Văn H là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã không tuân thủ các quy định về an toàn phòng cháy và chữa cháy (khoản 2 Điều 39 Luật Lâm nghiệp và khoản 3 Điều 47 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP quy định " Khi đốt nương, rẫy, đồng ruộng,... người sử dụng lửa phải thực hiện: Biện pháp an toàn phòng cháy và chữa cháy; Không đốt vào những ngày có dự báo nguy cơ cháy rừng ở cấp IV, cấp V. Trong ngày, tiến hành đốt lúc gió nhẹ, vào trước 9 giờ buổi sáng và sau 16 giờ buổi chiều; Trước khi đốt phải thông báo với trưởng thôn, bản, tổ đội phòng cháy, chữa cháy rừng. Trong khi đốt phải bố trí người canh gác, có đủ dụng cụ để dập lửa khi cháy lan vào rừng; sau khi đốt xong phải dập tắt hết tàn lửa"), gây cháy rừng đặc dụng với diện tích 3,32 ha và làm thiệt hại về tài sản 175.000.000VNĐ là đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Tòng Văn H phạm tội "Vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy" theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 313 Bộ luật Hình sự; tội phạm và hình phạt được quy định như sau: "1. Người nào vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không

giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 02 năm đến 05 năm: d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000đồng".

[4] Về tính chất mức độ của hành vi: bị cáo đã được tuyên truyền, ký cam kết bảo vệ rừng nên nhận thức được việc sử dụng lửa vào mùa hanh khô, ven rừng phải tuân thủ các điều kiện an toàn về phòng cháy đối với khu rừng nhưng vì quá tự tin với khả năng, kinh nghiệm, cách thức, biện pháp áp dụng và thực hiện (cào cỏ thành luống, làm đường băng cản lửa rộng 01 mét) thì hậu quả tác hại sẽ không xảy ra nhưng thực chất bị cáo không nhận thức được đầy đủ tính chất nguy hiểm của hành vi, chưa thực hiện đúng và đủ các điều kiện, yêu cầu để bảo đảm phòng cháy theo quy định nên hậu quả đã xảy ra gây cháy rừng với tổng diện tích bị cháy là 3,32 ha và làm thiệt hại về tài sản trị giá 175.000.000VNĐ. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, tội phạm bị cáo thực hiện với lỗi vô ý nhưng đã hoàn thành, hậu quả đã xảy ra nghiêm trọng không những xâm phạm an toàn công cộng, an toàn cháy nổ, trật tự trị an ở địa phương mà còn xâm phạm đến tài nguyên rừng, xâm hại đến hệ sinh thái, ảnh hưởng đến sự bền vững và ổn định của môi trường đặc biệt trong giai đoạn hiện nay thế giới nói chung và Nhà nước ta nói riêng đang ra sức thực hiện chương trình cộng đồng xanh, môi trường xanh, bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường sinh thái là nhiệm vụ cấp bách, là trách nhiệm của mọi người nhưng bị cáo không những không thực hiện trách nhiệm đó mà chỉ vì lợi ích cá nhân, lợi ích gia đình mà vô ý gây cháy rừng nên Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật áp dụng là đúng người, đúng tội; tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội quy kết bị cáo phạm tội và đề nghị hình phạt đối với bị cáo là có căn cứ và phù hợp.

[5] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sư, nhân thân: Bị cáo tự nguyện bồi thường thiệt hại (tạm nộp số tiền 5.000.000VNĐ); phạm tội lần đầu; thành khẩn khai báo (khai đầy đủ, đúng sự thật tất cả những gì liên quan đến hành vi phạm tội), ăn năn hối cải (bị cáo luôn thể hiện sự cắn rứt, dày vò lương tâm, mong muốn sửa chữa, cải tạo mình thành người tốt). Do đó, xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo là người dân tộc thiểu số nhận thức pháp luật hạn chế, đầu thú (khi gây cháy rừng Hặc đã báo với ban quản lý bản và tổ an ninh bản) là em và cháu của người có công (anh trai Tòng Văn X được thưởng Huân Chương chiến công hạng ba, chú ruột Tòng Văn S được thưởng Huân Chương chiến công hạng ba và Huân Chương chiến sĩ vẻ vang hạng ba), có đơn xin giảm nhẹ hình phạt được chính quyền địa phương xác nhận nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Nhân thân: Bị cáo không có tiền án, tiền sự, chính quyền địa phương nhận xét và đánh giá chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, quy định ở nơi cư trú.

[7] Về hình phạt: Từ những phân tích và nhận định trên, cần áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất mức độ của hành vi của bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, mức phạt không quá 3 năm tù, nhân thân tốt, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng, có đơn xin hưởng án treo được chính quyền địa phương xác nhận, có khả năng tự cải tạo nên cho bị cáo hưởng sự khoan hồng của pháp luật theo khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự, cho bị cáo tự cải tạo tại địa phương và ấn định thời gian thử thách cũng nhằm răn đe, phòng ngừa giáo dục chung cho các hành vi tương tự xảy ra ở địa phương hiện nay.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 313 Bộ luật Hình sự, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung. Tuy nhiên, biên bản xác minh tài sản, lời khai của bị cáo tại phiên tòa xác định: bị cáo không có tài sản giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị phạt tù cho hưởng án treo, có nơi cư trú rõ ràng, không có căn cứ cho thấy bị cáo trốn hoặc tiếp tục phạm tội do vậy bị cáo được tại ngoại.

[9] Vật chứng của vụ án:

01 con dao quắm; 01 con dao chặt; 01 chiếc cào và 01 bật lửa ga là vật dụng thuộc sở hữu của bị cáo Hặc, vật mang dấu vết của tội phạm, đã cũ, không còn giá trị nên cần tịch thu và tiêu hủy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với toàn bộ số cây gỗ bị chết cháy phân bố rải rác trong rừng, đã ải mục không còn giá trị sử dụng, không thu gom được nên không có căn cứ xử lý.

[10] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo H đốt cỏ nương nhưng không tuân thủ các quy định về an toàn phòng cháy và chữa cháy gây cháy rừng, đã làm thiệt hại về tài sản (rừng đặc dụng) thuộc sở hữu Nhà nước, theo kết luận định giá tài sản xác định: giá trị thiệt hại là 175.000.000VNĐ, xét thấy lỗi hoàn toàn là do bị cáo gây ra nên buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại số tiền 175.000.000VNĐ để nộp vào ngân sách Nhà nước là hợp lý, có căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585 và khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự; ghi nhận bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại là 5.000.000VNĐ.

Đối với Cộng đồng bản L, đại diện ban quản lý bản xác định được giao nhiệm vụ bảo vệ rừng và được hưởng phí, Cộng đồng bản không yêu cầu gì nên không giải quyết theo vụ án.

[11] Về án phí: Tài liệu trong hồ sơ xác định bị cáo là người dân tộc thiểu số nhưng không sống ở vùng đặc biệt khó khăn, không có căn cứ miễn, giảm nộp tiền án phí nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 313; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Tòng Văn H phạm tội "Vi phạm quy định về phòng cháy, chữa cháy".

2. Xử phạt: Bị cáo Tòng Văn H 26 (Hai mươi sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 52 (Năm mươi hai) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án (19/02/2025); không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Giao bị cáo Tòng Văn H cho Uỷ ban nhân dân xã N, huyện M, tỉnh Sơn La giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 584, 585 và khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự. Buộc Tòng Văn H phải bồi thường thiệt hại về tài sản (rừng) số tiền là 175.000.000VNĐ (Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng), số tiền bị cáo Hặc phải bồi thường nộp vào ngân sách Nhà nước; ghi nhận bị cáo đã nộp bồi thường số tiền 5.000.000VNĐ (Năm triệu đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sơn La theo biên lai thu tiền số 0002049 ngày 10/02/2025; bị cáo Hặc còn phải bồi thường tiếp số tiền là 170.000.000VNĐ (Một trăm bảy mươi triệu đồng).

4. Về vật chứng của vụ án: căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu và tiêu hủy: 01 con dao quắm; 01 con dao chặt; 01 chiếc cào và 01bật lửa ga của Tòng Văn H (Chi tiết theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra Công an huyện M và Chi cục Thi hành án dân sự huyện M).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: buộc Tòng Văn H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 VNĐ (Hai trăm nghìn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.500.000VNĐ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, nguyên đơn dân sự, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (19/02/2025); người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện M;
- CA h.M (Bộ phận Hồ sơ; CSĐT, THAHS);
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Hoà